

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 60/2022/HSST

Ngày 28 - 6 – 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU-TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khuru Liên Dung**

Ông Lê Tuấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hà Quốc Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Thanh T; Giới tính: Nam;
- Tên gọi khác: Trương Văn P, C;
- Sinh năm: 1989, tại Bạc Liêu;
- Nơi đăng ký thường trú: Số S, Khóm T, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;
- Nơi ở: Ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ học vấn: 5/12;
- Cha: Nguyễn Văn V, sinh năm 1955;

- Mẹ: Trương Hồng Y, sinh năm 1968;
- Anh, em ruột: 03 người, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1993;
- Vợ: Lê Hồng C, sinh năm 1985;
- Con: 02 người, sinh năm 2010, sinh năm 2014;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Ngày 20/01/2022, bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 20/01/2022 đến ngày 26/01/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Bạc Liêu. Ngày 26/01/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

* Bị hại:

Bà Nguyễn Thị U (Nguyễn Thị G), sinh năm 1966

Địa chỉ: Số B, đường N, Khóm T, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Ông Trần Hoàng D, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số C, Khóm T, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 12/8/2008, Nguyễn Văn V và bị cáo, điều khiển xe đạp đi tìm tài sản trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi ngang nhà của ông Trần Hoàng D, V và bị cáo dùng cây kim cắt lưới hàng rào bằng sắt (lưới B40), cao 1,2m, dài 6m. Ngay sau khi cắt giấu lưới B40 đã lấy trộm, V và bị cáo đi đến nhà bà Nguyễn Thị U (Tên gọi khác: Nguyễn Thị G), tiếp tục lấy trộm 02 cánh cổng rào bằng sắt cùng kích thước 0,9m x 2,1m, sau đó mang đi cất giấu đối diện quán Nam Bắc, Khóm T, Phường N, thị xã B (nay là thành phố B). Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 13/8/2008, V và bị cáo mang 01 cánh cổng bằng sắt đến chỗ thu mua phế liệu của Đặng Thiên N, bán với giá 6.500đ/kg. Sau đó, V và bị cáo quay lại nơi giấu cuộn lưới B40 đã lấy trộm, chờ phía sau xe đạp của V để tiếp tục bán cho N thì bị Công an phường N, thị xã B (nay là thành phố B) kiểm tra phát hiện, mời V làm việc, riêng bị cáo bỏ lại xe đạp và chạy thoát. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu hồi được 01 cánh cửa sắt còn lại V và bị cáo đã cất giấu.

Kết quả định giá tài sản của Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), kết luận: Hàng rào lưới B40 cao 1,2m x 6m, tỷ lệ còn

lại 70%, giá trị thành tiền tương đương 170.000đ; 01 cánh cổng rào bằng sắt 0,9m x 2,1m, tỷ lệ còn lại 90%, giá trị thành tiền tương đương 1.000.000đ.

Bản Cáo Trạng số 52/CT-VKS HS ngày 23/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 03 tháng đến 04 tháng tù.

Đối với trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án và hành vi phạm tội của Nguyễn Văn V, Đặng Thiên N đã được xét xử theo Bản án số 123/2008/HSST, ngày 19/12/2008, của Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu, nên không đề cập xử lý.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận có hành vi lấy trộm tài sản là 02 cánh cổng rào bằng sắt của bà Nguyễn Thị U, không có lấy trộm 01 cuộn lưới hàng rào bằng sắt B40 của ông Trần Hoàng D. Xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào khoảng 22 giờ, ngày 12/8/2008, tại Khóm T, Phường N, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu, bị cáo và Nguyễn

Văn V có hành vi lấy trộm tài sản là 02 cánh cổng rào bằng sắt của bà Nguyễn Thị U, giá trị tài sản là 2.000.000 đồng. Bị cáo không có lấy trộm 01 cuộn lưới hàng rào bằng sắt B40 của ông Trần Hoàng D.

Trong quá trình điều tra bị cáo thừa nhận có cùng với Nguyễn Văn V lấy trộm 01 cuộn lưới hàng rào bằng sắt B40 và 02 cánh cổng rào sắt. Lời khai này của bị cáo phù hợp lời khai của Nguyễn Văn V (người đi trộm cùng bị cáo), phù hợp với lời khai của người bị hại, đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vào khoảng 22 giờ, ngày 12/8/2008, tại Khóm T, Phường N, thị xã B (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu, bị cáo và Nguyễn Văn V có hành vi lấy trộm tài sản là 01 cuộn lưới hàng rào bằng sắt B40 của ông Trần Hoàng D và 02 cánh cổng rào bằng sắt của bà Nguyễn Thị U, tổng giá trị tài sản là 2.170.000đ.

Khi bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố, dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, cần áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội nên hành vi của bị cáo T phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn một thời gian dài, bị bắt theo quyết định truy nã. Cho nên, cần phải có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[4] Xét thấy trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Giờ số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại bà Nguyễn Thị G có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ điều kiện áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp của khung hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án đã được xét xử theo Bản án số 123/2008/HSST, ngày 19/12/2008, của Toà án nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu. Theo bản án thể hiện ông Dân đã nhận lại tài sản bị mất trộm; bà G cũng đã nhận lại một cánh cửa bị mất trộm, đối với một cánh cửa còn lại không thu hồi được bà G không yêu cầu bồi thường.

Sau khi bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị cáo đã bồi thường đối với cánh cửa còn lại không thu hồi được là 1.000.000 đồng cho bà G, bà G không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đối với vật chứng vụ án và hành vi phạm tội của Nguyễn Văn V, Đặng Thiên N đã được xét xử theo Bản án số 123/2008/HSST, ngày 19/12/2008, của Toà án nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu, nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T (Tên gọi khác: Trương Văn P, C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 20/01/2022 đến ngày 26/01/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2022). Người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Công an thành phố Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

Đã ký

Lê Hồng Lam